

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Bé Sáu;

Ông Trần Duy Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Ông Phan Thái Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1969;

- Bị đơn: Bà Trương Thị Hoàng M, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ cư trú: khóm B, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày: Ông và bà Trương Thị Hoàng M sống chung với nhau từ năm 1996 cho tới nay, cả hai không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước từ trước tới nay. Trong thời gian đầu cả hai chung sống với nhau có hạnh phúc và có 02 con chung là Trần Hoàng M1, sinh năm 1997 và Trần Hoàng D, sinh năm 1998. Tuy nhiên thời gian gần đây thì ông, bà phát sinh mâu thuẫn, thường

xuyên cự cải, cả hai không thể sống chung được nữa và đã ly thân với nhau. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Ông xin ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 02 con chung như trên, nay đều đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn trình bày*: Bà và ông S sống chung với nhau từ năm 1996 cho tới nay, cả hai không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước từ trước tới nay. Trong thời gian đầu chung sống thì có hạnh phúc và có 02 con chung là Trần Hoàng M1, sinh năm 1997 và Trần Hoàng D, sinh năm 1998. Tuy nhiên thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, cả hai không thể sống chung được nữa và hiện nay đã ly thân với nhau. Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông S, bà có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Thống nhất ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 02 con chung như trên, nay đều đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà M. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Hoàng M1, sinh năm 1997 và Trần Hoàng D, sinh năm 1998, hiện nay đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”; Bị đơn có nơi cư trú tại khóm B, phường A, thành phố H, Đồng Tháp nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nhưng cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt hai đương sự trên là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Xét thấy, ông Trần Thanh S và bà Trương Thị Hoàng M có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, nhưng từ khi chung sống cho tới nay hai bên không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay ông S yêu cầu ly hôn với bà M, bà M cũng thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do ông S và bà M không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không công nhận sự thỏa thuận của ông, bà được.

Tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

“Điều 9. Đăng ký kết hôn

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn”.

Đồng thời tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng quy định:

“Điều 53. Thụ lý đơn yêu cầu ly hôn

1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà M là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Ông S và bà M có 02 con chung tên là Trần Hoàng M1, sinh năm 1997 và Trần Hoàng D, sinh năm 1998, hiện nay các con đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên ông S, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông S và bà M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông Sang phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn S và bà Trương Thị Hoàng M.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Hoàng M1, sinh năm 1997 và Trần Hoàng D, sinh năm 1998, hiện nay đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn S phải chịu tiền án phí dân sự sơ là 300.000đ. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà ông S đã nộp theo biên lai số 0013415 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Huỳnh Anh